

**TỜ TRÌNH**

**Về việc xin chủ trương đầu tư nâng cấp, cải tạo công trình:  
Hồ chứa nước Bông Hôi, xã Thọ Bình**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Công văn số 10791/UBND-THKH ngày 21/10/2015 của UBND tỉnh về đối tượng đầu tư, nguyên tắc bố trí vốn và trình tự xây dựng kế hoạch đầu tư các công trình sử dụng nguồn vốn thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa.

UBND huyện Triệu Sơn đã triển khai thực hiện rà soát, đánh giá và tổng hợp các công trình hồ chứa nước, đập dâng trên địa bàn huyện đang phục vụ tưới, tiêu cho sản xuất nông nghiệp đã bị xuống cấp nghiêm trọng cần phải đầu tư nâng cấp, sửa chữa, cụ thể như sau:

- 1. Tên công trình:** Sửa chữa, nâng cấp hồ Bông Hôi, xã Thọ Bình.
- 2. Hạng mục đầu tư:** Nâng cấp đập đất, nạo vét lòng hồ, làm tràn bê tông, làm cống bê tông cốt thép, kiên cố hóa hệ thống kênh và đường thi công kết hợp quản lý vận hành.
- 3. Kinh phí đầu tư:** 9.000.000.000 đồng (Chín tỷ đồng chẵn).
- 4. Chủ đầu tư:** UBND huyện Triệu Sơn.
- 5. Nguồn vốn thực hiện:** Ngân sách tỉnh hỗ trợ từ nguồn vốn chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo cơ chế quy định tại Công văn số 10791/UBND-THKH ngày 21/10/2015 của UBND tỉnh và đối ứng ngân sách huyện Triệu Sơn.

*(Chi tiết có phụ lục kèm theo)*

UBND huyện Triệu Sơn kính đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh và các Sở, ban ngành có liên quan xem xét cho chủ trương để công trình sớm được đầu tư, phục vụ sản xuất cho nhân dân./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Tài chính (để phối hợp);
- Sở Nông nghiệp và PTNT (để phối hợp);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (để phối hợp);
- Lưu: VT, NN.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Đức Kính**

**PHỤ LỤC DANH MỤC CÔNG TRÌNH HỒ CHỨA NƯỚC CẦN ĐƯỢC ĐẦU TƯ NÂNG CẤP**  
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2021 của UBND huyện Triệu Sơn)

<b>STT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Hiện trạng</b>	<b>Mục tiêu đầu tư</b>	<b>Quy mô đầu tư</b>	<b>Tổng mức đầu tư (triệu đồng)</b>	<b>Nguồn vốn</b>
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ Bông Hôi, xã Thọ Bình	Xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn	Đập nhỏ, bị sạt lở, tràn đất, cống bị hư hỏng, kênh bị sạt lở, bồi lắng	Đảm bảo tưới cho khoảng 20ha	Nâng cấp đập đất, nạo vét lòng hồ, làm tràn, cống bê tông cốt thép, kiên cố hệ thống kênh và đường thi công kết hợp quản lý vận hành.	9.000	Nguồn vốn bảo vệ đất trồng lúa

**PHỤ LỤC TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG**

**Nâng cấp, cải tạo công trình: Hồ chứa nước Bông Hôi, xã Thọ Bình**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2021 của UBND huyện Triệu Sơn)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung chi phí	Tỷ lệ	Giá trị	Thuế	Giá trị
		chi khác	trước thuế	VAT	sau thuế
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>		<b>6.545.454.545</b>	<b>654.545.455</b>	<b>7.200.000.000</b>
1	Công trình đầu mối (đập, tràn, cống)		4.727.272.727	472.727.273	5.200.000.000
2	Kênh và công trình trên kênh		1.363.636.364	136.363.636	1.500.000.000
3	Đường thi công kết hợp quản lý vận hành		454.545.455	45.454.545	500.000.000
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>3,1080%</b>	<b>203.432.727</b>	<b>20.343.273</b>	<b>223.776.000</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>		<b>748.986.612</b>	<b>74.178.661</b>	<b>823.165.273</b>
1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất		239.090.909	23.909.091	263.000.000
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	3,000%	7.172.727	717.273	7.890.000
3	Chi phí lập báo cáo KTKT	3,917%	256.388.430	25.638.843	282.027.273
4	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT	0,3610%	23.629.091	2.362.909	25.992.000
5	Chi phí giám sát TCXD	2,5980%	170.050.909	17.005.091	187.056.000
6	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	0,05%	3.600.000		3.600.000
7	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,05%	3.600.000		3.600.000
8	Chi phí lập Kế hoạch bảo vệ môi trường	Tạm tính	45.454.545	4.545.455	50.000.000
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>		<b>134.120.227</b>	<b>6.807.273</b>	<b>140.927.500</b>
1	Phí thẩm định TKBVTC	0,121%	10.890.000		10.890.000
2	Phí thẩm định dự toán XD	0,117%	10.530.000		10.530.000
3	Chi phí bảo hiểm công trình	1,04%	68.072.727	6.807.273	74.880.000
4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán công trình	0,385%	34.627.500		34.627.500
5	Chi phí kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước	TT	10.000.000		10.000.000
<b>V</b>	<b>Chi phí đền bù GPMB</b>	TT	<b>180.000.000</b>		<b>180.000.000</b>
<b>VI</b>	<b>Dự phòng</b>	5%			<b>432.093.515</b>
	<b>Tổng cộng</b>				<b>9.000.000.000</b>

*(Bảng chữ: Chín tỷ đồng chẵn)*